CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Dược Trung ương Mediplantex

Ngày 30/09/2025	22,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**2.7%**	**-9.3%**

DT thuần
Q3/25
87.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.20| 0.3%
YoY: ▼5.10| -5.5%

LN thuần
Q3/25
5.04
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.25| 33.0%
YoY: ▲ 0.55| 12.2%

LN sau thuế
Q3/25
3.91
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.87| 28.6%
YoY: ▲ 0.43| 12.4%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
6.4%
YoY: +/-▲ 1.3%

ROE (TTM)
Q3/25
3.7%
YoY: +/-▲ 0.1%

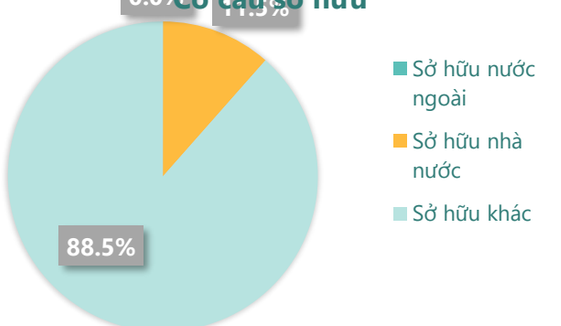
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	22,100 - 27,127
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	283
Số lượng CPLH (CP)	12,410,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	245
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.03
EPS	970
P/E	23.5

DT thuần
9T 2025
249
tỷ VNĐ
YoY: ▼88.0| -26.0%

LN thuần
9T 2025
11.6
tỷ VNĐ
YoY: ▼2.90| -19.9%

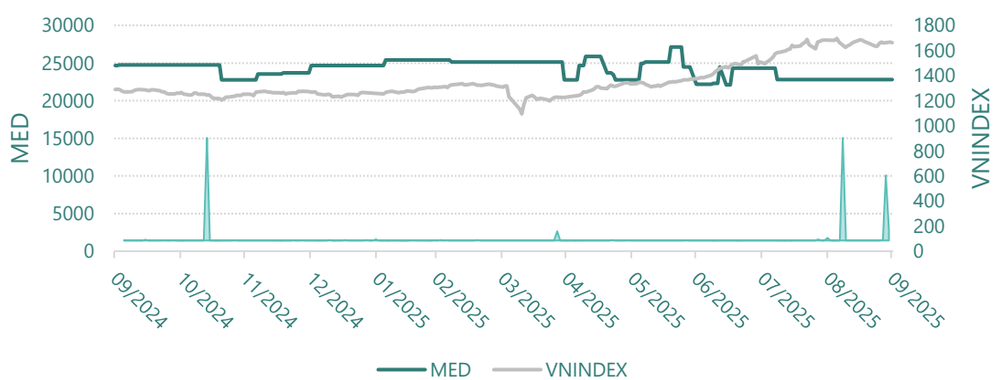
LN sau thuế
9T 2025
9.13
tỷ VNĐ
YoY: ▼3.17| -25.6%

Cơ cấu sở hữu

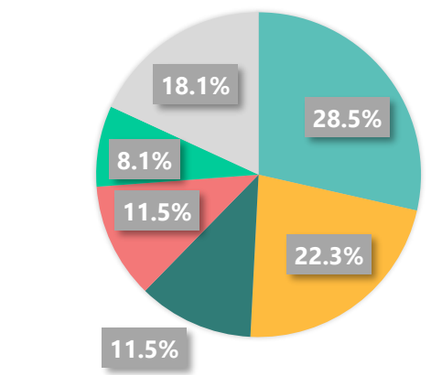


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

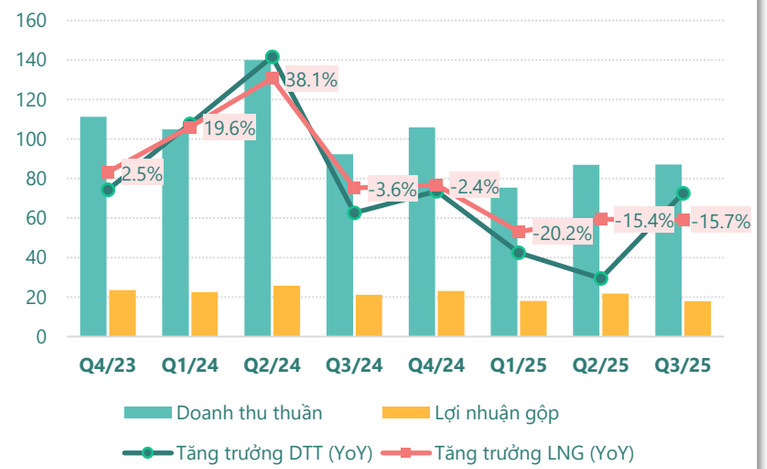


- Nguyễn Ngọc Xuân Trang (Chủ tịch HĐQT)
- Trần Nguyễn Hoàng Phúc (Thành viên HĐQT)
- Nguyễn Văn Khái
- Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP
- Trần Hoàng Dũng
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

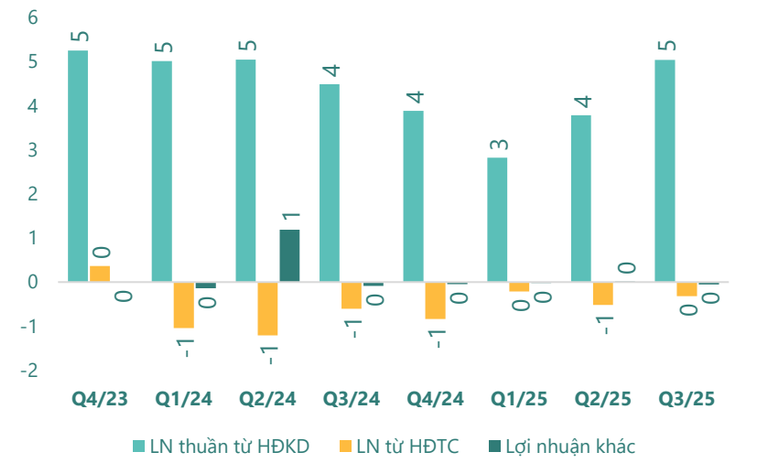
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



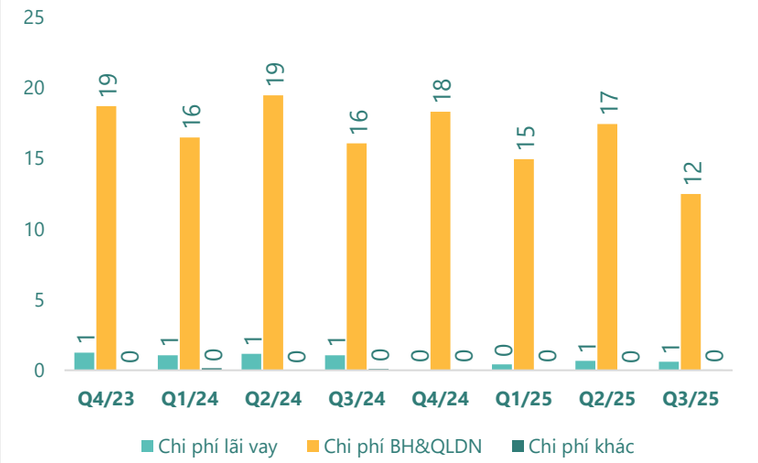
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



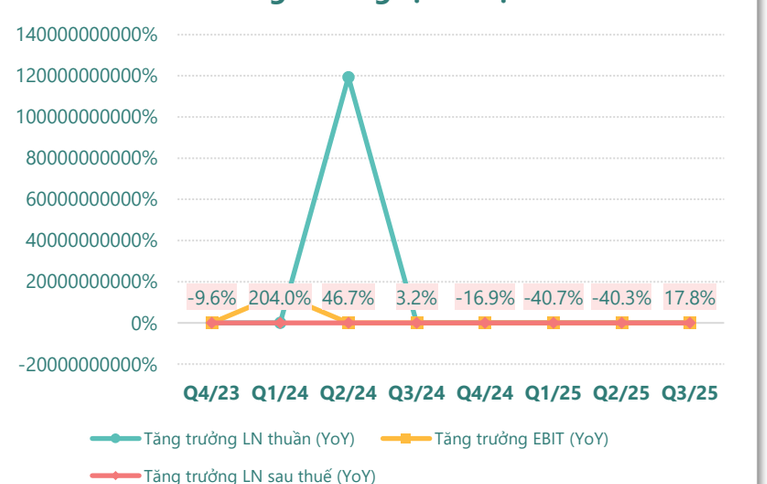
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



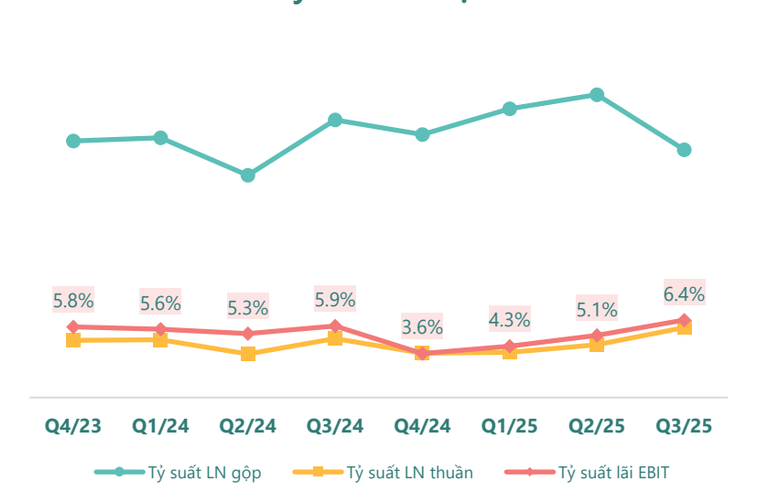
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



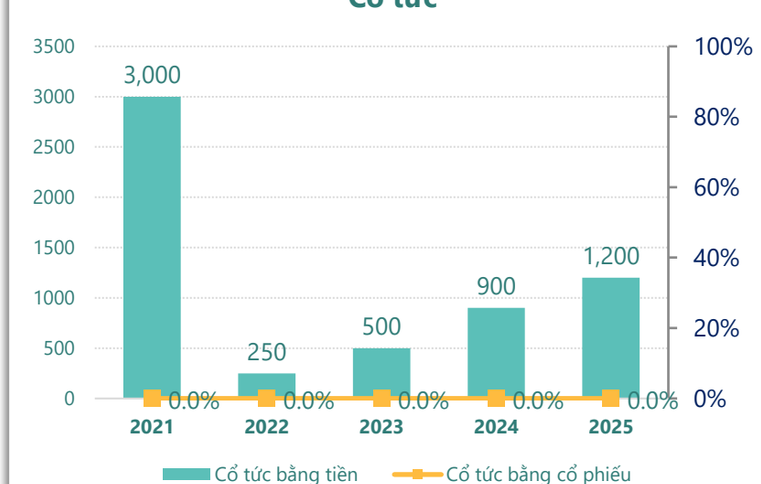
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

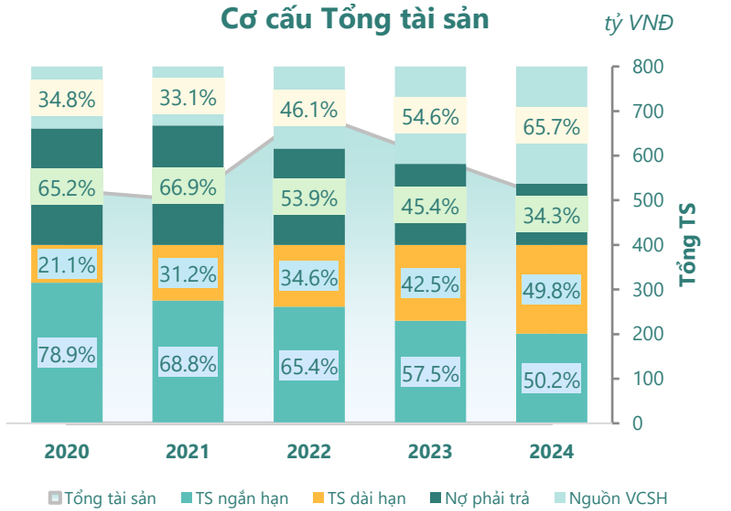
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

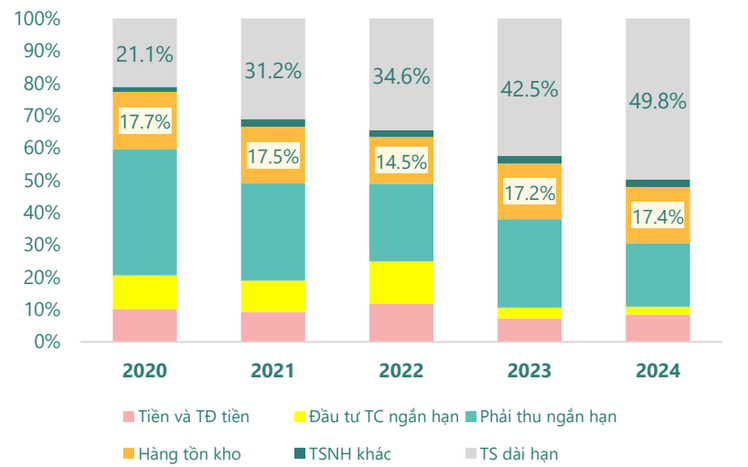
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



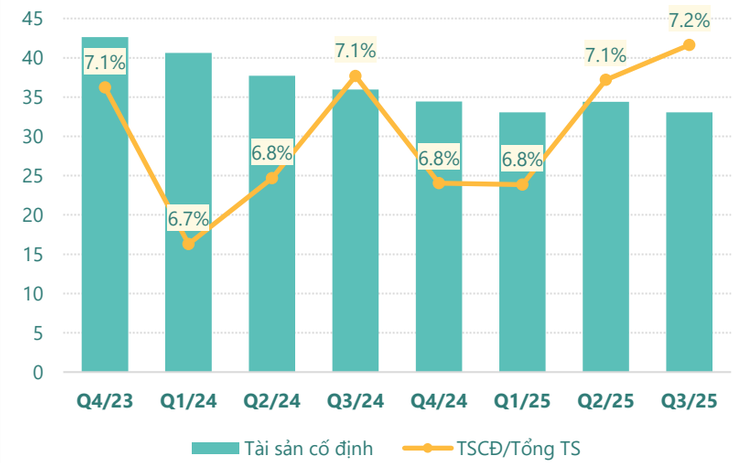
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



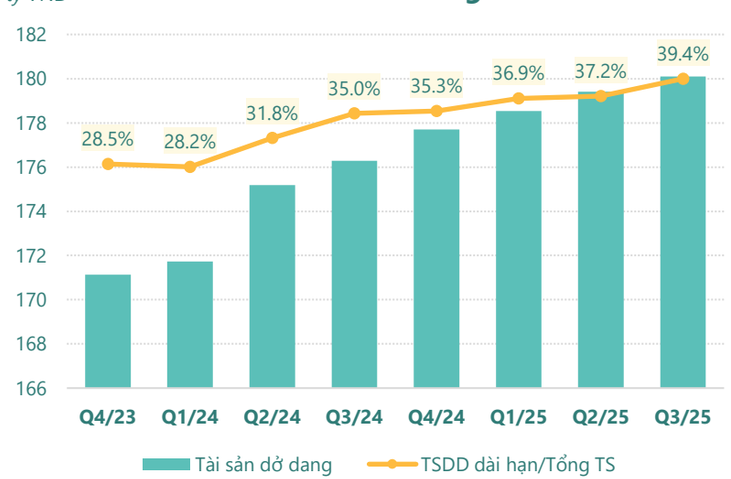
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



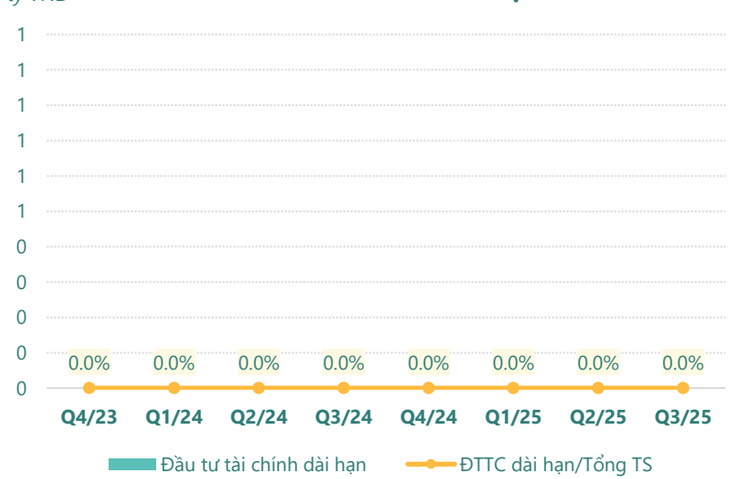
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



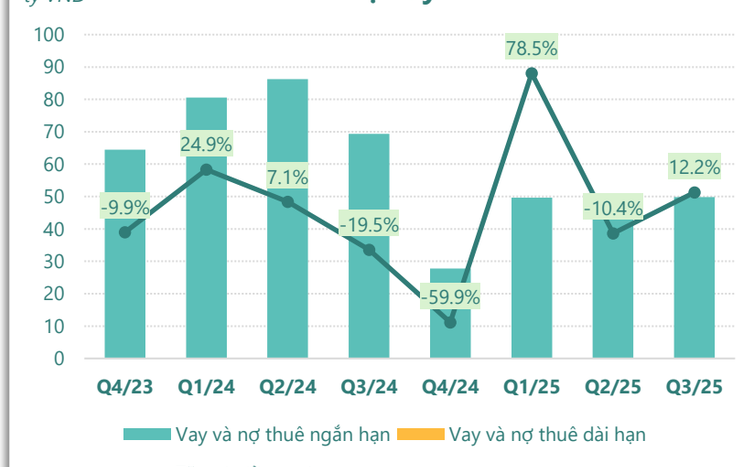
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

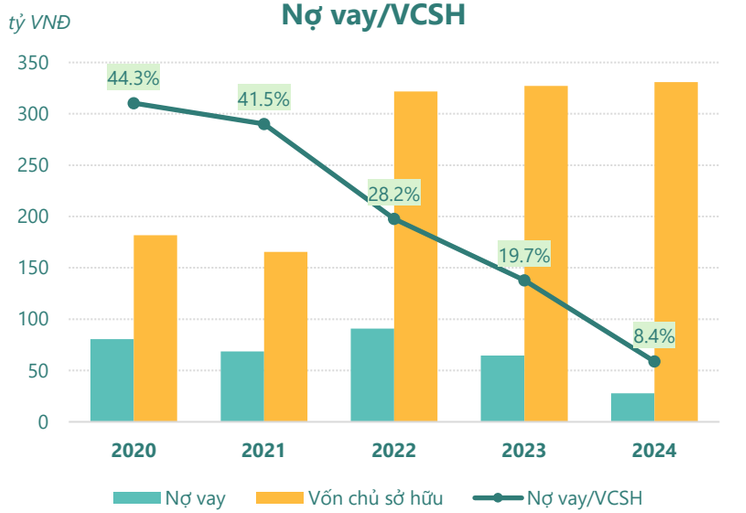
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

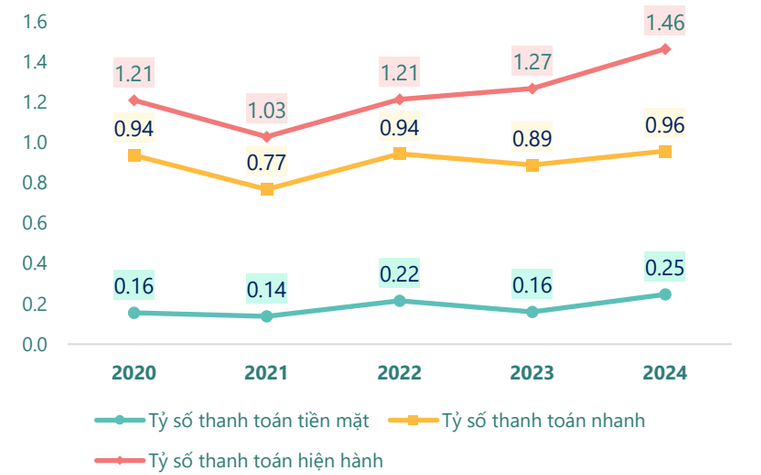
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



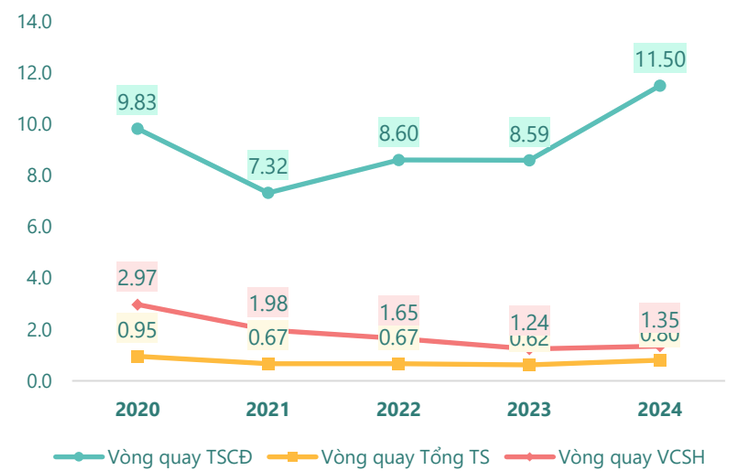
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



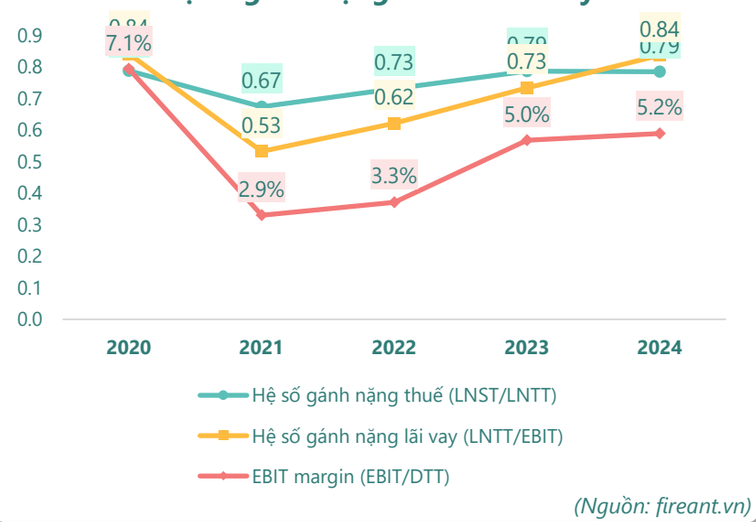
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



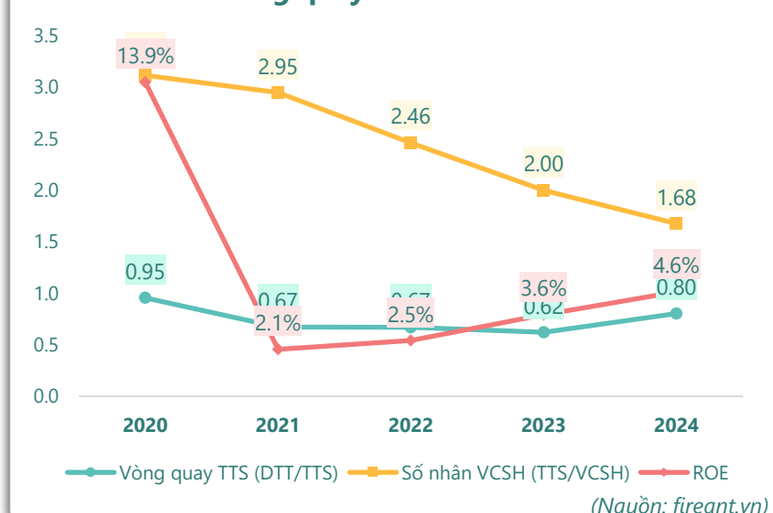
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



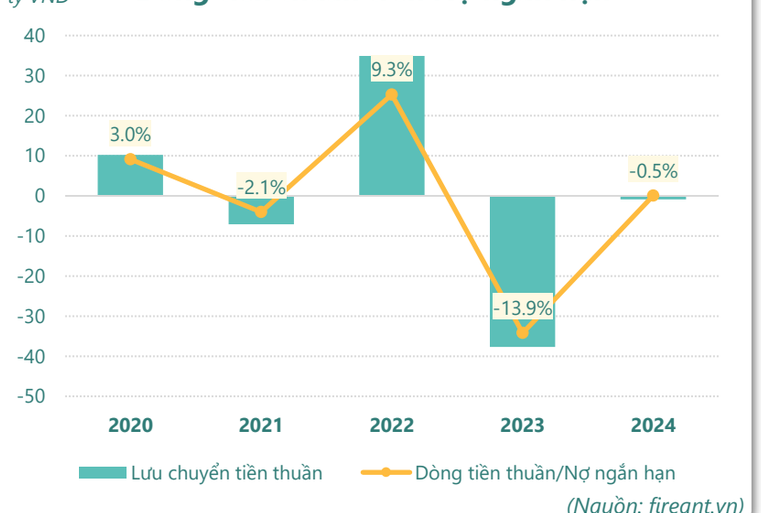
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**87.1**	**92.2**	**-5.5%**	**249**	**337**	**-26.0%**
Giá vốn hàng bán	69.3	71.1	-2.5%	192	268	-28.4%
Lợi nhuận gộp	17.8	21.2	-15.8%	57.6	69.4	-17.0%
Doanh thu HĐTC	0.34	0.46	-26.8%	1.33	1.67	-20.8%
Chi phí TC	0.66	1.06	-38.1%	2.37	4.53	-47.5%
Chi phí lãi vay	0.60	1.06	-43.7%	1.67	3.27	-49.1%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.96	1.54	-37.7%	3.38	6.66	-49.2%
Chi phí QLDN	**11.5**	**14.5**	**-20.5%**	**41.5**	**45.4**	**-8.5%**
LN thuần từ HĐKD	5.04	4.49	12.2%	11.6	14.5	-19.9%
Lợi nhuận khác	**-0.05**	**-0.09**	**40.7%**	**-0.06**	**0.96**	**-106%**
LN trước thuế	4.99	4.40	13.3%	11.6	15.5	-25.3%
Lợi nhuận sau thuế	**3.91**	**3.48**	**12.4%**	**9.13**	**12.3**	**-25.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**3.91**	**3.48**	**12.4%**	**9.13**	**12.3**	**-25.6%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1.81	32.3	29.8	-26.9	-3.18	-3.81
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	7.64	-11.6	16.6	3.41	-5.26	5.91
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	5.35	-27.3	-39.6	15.4	1.19	-4.38
Tiền đầu kỳ	31.2	42.4	35.7	42.6	34.5	27.3
Lưu chuyển tiền thuần	**11.2**	**-6.60**	**6.87**	**-8.07**	**-7.25**	**-2.28**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.02	-0.02	0	0	0.01	-0.01
Tiền cuối kỳ	42.4	35.7	42.6	34.5	27.3	25.0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**457**	**504**	**-9.2%**
Tài sản ngắn hạn	204	253	-19.4%
Tiền và tương đương tiền	25.0	42.6	-41.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.00	12.0	-66.7%
Phải thu ngắn hạn	69.6	99.2	-29.8%
Hàng tồn kho	94.6	87.5	8.0%
Tài sản ngắn hạn khác	10.9	11.8	-7.7%
Tài sản dài hạn	**253**	**251**	**1.1%**
Phải thu dài hạn	5.28	4.29	23.0%
Tài sản cố định	33.1	34.4	-4.0%
Bất động sản đầu tư	1.69	1.88	-9.9%
Tài sản dở dang	180	178	1.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**33.3**	**32.4**	**3.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	133	173	-23.2%
Nợ ngắn hạn	**133**	**173**	**-23.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	49.9	27.8	79.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	42.3	78.0	-45.7%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**325**	**331**	**-1.9%**
Vốn chủ sở hữu	**325**	**331**	**-1.9%**
Vốn điều lệ	124	124	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)